

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HSST

Ngày 23- 11- 2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Hồng Tuyên;

2. Bà Vũ Thị Thúy.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Tạ Duy A1, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1990; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ dân phố số xxx, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Tạ Minh T2; họ tên mẹ: Đặng Thị D2; Chưa có vợ con; Nhân thân: Ngày 07- 11- 2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh- giáo dục- lao động xã hội 12 tháng do nghiện ma túy; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 77/2016/HSST ngày 09- 05- 2016, Tòa án nhân dân thành phố T3, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 25/2016/HSST ngày 18- 05- 2016, Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 13- 07- 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tổng hợp hình phạt chung là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù; Ngày 07- 05- 2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; chưa chấp hành xong phần bồi thường trách nhiệm dân sự, tiền tịch thu sung công quỹ nhà nước; Danh chỉ bản số 229 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 09- 2021; bị tạm giữ từ ngày 28- 08- 2021; bị tạm giam từ ngày 06- 09- 2021; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

**Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ dân phố số xxx, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

-Anh Đào Văn B1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Q1, xã V2, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Anh Đào Xuân C1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Q1, xã V2, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

*Người làm chứng:* Anh Trần Minh Đ1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ xxx, phường K1, thành phố T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 00 ngày 20- 08- 2021, bị cáo điều khiển xe mô tô từ nhà đi chơi, trong khi đi đường, khi đi qua khu vực nhà chị H1, bị cáo nhìn thấy trước cổng nhà chị có cây mai tứ quý trồng trong chậu. Khi này đêm tối, không có người đi lại, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp nên quay về nhà lấy chiếc thùng tự chế rồi quay lại dùng thùng đào gốc cây lên. Bị cáo bỏ lại chiếc thùng rồi bê cây mai lên xe chở cây đến giấu dưới lùm cây tại mé đê thuộc địa phận thôn T4, xã T5, huyện T1. Hồi 09 giờ 00 cùng ngày 20- 08- 2021, bị cáo gọi điện cho anh Đ1 gạ bán thì anh Đ1 nói bạn anh muốn mua cây. Bị cáo dùng xe mô tô chở cây mai đến nhà anh Đ1 ở thành phố T3. Khi bị cáo đến thì anh Đ1 dẫn bị cáo chở cây đến nhà anh C1 (bạn anh Đ1). Anh C1 không mua cây mà gọi điện thoại cho anh B1 (bạn anh C1). Khi anh B1 đến, bị cáo và anh B1 thỏa thuận mua bán cây mai với giá 1.700.000đồng. Bị cáo giao cây cho anh B1 nhận tiền và cho anh C1 200.000đồng; số tiền còn lại bị cáo chi tiêu hết. Sau khi vụ án bị phát hiện, ngày 28- 08- 2021, bị cáo đến Công an huyện đầu thú. Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 03- 09- 2021, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy đã kết luận: Tại thời điểm định giá 01 cây mai tứ quý có trị giá 2.500.000,đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Đơn xin đầu thú, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Bên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản; Đơn trình báo và lời khai của bị hại là chị H1; lời khai của anh B1, anh Đ1 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy ngày 04 tháng 11 năm 2021 là 01 chiếc thùng bằng kim loại.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Ngày 20- 08- 2021, bị cáo đã lợi dụng đêm tối, đường vắng trộm cắp cây mai tứ quý của chị H1 ở thị trấn D1; sau đó đem bán cho anh B1 ở huyện V1 giá 1.700.000đồng; đã cho anh C1: 200.000đồng; số tiền còn lại bị cáo chi tiêu hết. Bị cáo đồng ý trả toàn bộ 1.700.000đồng cho người mua cây là anh B1 nhưng chưa trả. Bị cáo không yêu cầu anh C1 trả bị cáo số tiền mà bị cáo đã cho anh.

Bị hại là chị H1 trình bày: Sáng ngày 20- 08- 2021, khi ngủ dậy chị phát hiện cây mai tứ quý của chị trồng trong chậu bị mất. Hiện chị đã nhận lại tài sản,

không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh B1 trình bày: Chiều ngày 20- 08- 2021, anh được anh C1 (là bạn cùng thôn) gọi điện nên anh đến nhà anh C1. Tại đây, anh đã mua cây mai tứ quý với giá 1.700.000đồng. Sau khi vụ án bị phát hiện, anh giao nộp vật chứng là cây mai cho Cơ quan điều tra. Anh yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 1.700.000đồng.

Người làm chứng là anh Đ1 trình bày: Anh là bạn bị cáo, ngày 20- 08- 2021, bị cáo gọi điện cho anh hỏi có mua cây không; sau đó bị cáo chở cây mai tứ quý đến nhà anh. Anh dẫn bị cáo đến nhà bạn là anh C1 nhưng anh C1 không mua; rồi anh C1 gọi điện cho bạn anh C1 đến. Sau đó, bị cáo bán cây cho người này giá 1.700.000đồng. Bị cáo cho tiền nhưng anh không nhận.

Bản cáo trạng số 101/CT-VKSTT ngày 03- 11- 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

**Luận tội của Kiểm sát viên:** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585; Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Kiểm sát viên đề nghị:

-Xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28- 08- 2021; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền;

-Tịch thu tiêu hủy chiếc thưởng; buộc bị cáo bồi thường cho anh Bằng số tiền 1.700.000đồng. Chị H1 đã nhận tài sản còn nguyên vẹn, không yêu cầu bồi thường; bị cáo không yêu cầu anh C1 bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

-Bị cáo chịu án phí.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[2]. Về hành vi của bị cáo:** Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Ngày 20- 08- 2021, bị cáo đã trộm cắp của chị H 01 cây mai tứ quý tại chậu cây cảnh trước cửa nhà chị. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách

nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp . Bị cáo đã trộm cắp tài sản có giá trị 2.500.000đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội : “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

**“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” ....*

**[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

-Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp nhưng không chịu tu dưỡng nên đã lợi dụng đêm tối, đường vắng, tài sản không có người trông coi để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Bị cáo là người lao động, công việc và thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

**[4]. Trong vụ án này: Bị cáo trình bày:**

-Chiếc xe bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là chiếc xe của anh L1 gửi tại nhà bị cáo, anh L1 không biết việc bị cáo sử dụng xe để trộm cắp; sau khi phạm tội bị cáo đã trả xe cho anh L1. Bị cáo không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định về anh L1 và chiếc xe.

-Sau khi trộm cắp cây mai tứ quý, bị cáo gọi điện thoại cho anh Đức; rồi chở cây đến nhà anh Đ1. Anh Đ1 là người dẫn bị cáo đến nhà anh C1; anh C1 là người gọi điện thoại cho anh B1; anh B1 là người mua cây mai. Các anh Đ1, anh C1, anh B1 đều không biết cây mai là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý những người này. Chiếc điện thoại của bị cáo đã bị mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

**[5]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:**

-01 cây mai tứ quý đã được Cơ quan điều tra trả cho bị hại là chị Hoa.

-01 chiếc thưởng, hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04- 11- 2021. Đây là công cụ phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy

**[6]. Về trách nhiệm dân sự:** -Bị hại là chị H1 đã nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

-Sau khi vụ án bị phát hiện, anh B1 đã giao nộp cây mai; anh yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mua cây là 1.700.000đồng; cần áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 585; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh số tiền này. Đối với số tiền 200.000đồng bị cáo đã cho anh C1; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**[7]. Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Tạ Duy A1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Xử phạt:** Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28- 08- 2021.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

-Buộc bị cáo bồi thường cho anh Đào Văn B1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Q1, xã V2, huyện V1, tỉnh Thái Bình số tiền 1.700.000đồng.

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chuông, hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04- 11- 2021.

**5. Về án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; cộng là 500.000đồng án phí.

**6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**7. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tòng**